

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 43/2025/DS-ST

Ngày: 16-4-2025

“V/v tranh chấp Hợp đồng
góp hụi”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Thanh Hồng**;

Bà **Mai Thị Kim Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lưu Sử Ngọc Quân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Đại Phụng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 518/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ngọc T, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Văn Phước L, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai T1, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ D, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là anh Văn Phước L trình bày:

Chị T1 có tham gia góp hụi do chị T làm chủ thảo. Ngày 11/4/2022, chị T có khai một dây hụi tháng 2.000.000 đồng, trong dây hụi có 26 hụi viên tham gia 26 phần hụi. Tháng đầu tiên, chị T bỏ hụi với số tiền 360.000 đồng và được lãnh hụi với số tiền là 1.640.000 đồng X 25 phần = 41.000.000 đồng. Sau khi lãnh hụi

mỗi tháng chị [T1](#) phải góp lại cho chị [T](#) 2.000.000 đồng hui chết cho đến khi mãn hui với thời hạn 25 tháng với số tiền là 50.000.000 đồng. Từ khi lãnh hui đến nay, chị [T1](#) không góp cho chị [T](#) số tiền nào nên chị [T](#) phải góp choàng cho chị [T1](#) cho đến khi mãn hui. Chị [T](#) có đòi nhiều lần nhưng chị [T1](#) cố tình né tránh không trả nên chị [T](#) mới khởi kiện.

Nay anh đại diện cho chị [T](#) xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu chị [T1](#) trả lại cho chị [T](#) 50.000.000 đồng tiền hui chết và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 11/5/2024 (là ngày mãn hui) cho đến khi vụ án được giải quyết xong ở cấp sơ thẩm. Ngoài ra, chị [T](#) không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là chị [Nguyễn Thị Mai T1](#) vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [T](#). Buộc chị [T1](#) có nghĩa vụ trả lại cho chị [T](#) số tiền hui còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của chị [T](#).

+ Chị [T1](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị [Ngô Thị Ngọc T](#) là Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh [Văn Phước L](#) đại diện. Anh [L](#) vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị [T1](#) vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị [T](#), anh [L](#), chị [T1](#).

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, anh [L](#) đại diện cho chị [T](#) yêu cầu chị [T1](#) trả lại cho chị [T](#) số tiền hui còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 11/5/2024 (là ngày mãn hui) cho đến khi vụ án được giải quyết xong ở cấp sơ thẩm.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của chị [T](#) thấy rằng: Căn cứ vào Giấy hót hui ngày 11/4/2022 do chị [T](#) cung cấp có đủ căn cứ xác định chị [T1](#) có tham gia góp hui do chị [T](#) làm chủ thảo và được lãnh hui vào ngày 11/4/2022 với số tiền

41.000.000 đồng, chị [T1](#) có nghĩa vụ góp cho chị [T](#) mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền hội chết trong thời hạn 25 tháng kể từ ngày 11/5/2022 là có thật. Phía chị [T](#) cho rằng chị [T1](#) cô tình né tránh không góp hội chết cho chị đúng thỏa thuận theo giấy hốt hội nói trên, chị phải choàng hội cho chị [T1](#) có đến khi mãn hội vào ngày 11/5/2024 nên chị mới khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị [T1](#) đều vắng mặt nên không có lời trình bày, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, yêu cầu trả 50.000.000 đồng tiền hội gốc của chị [T](#) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của chị [T](#) thấy rằng: Dây hội trên đã mãn vào ngày 11/5/2024, chị [T1](#) không góp cho chị [T](#) số tiền hội chết nào, chị [T](#) đã phải góp choàng hội cho chị [T1](#) để giao cho các hội viên được lãnh hội sau chị [T1](#) nên chị [T1](#) phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền chị [T](#) đã góp choàng cho chị [T](#) là phù hợp. Phía chị [T](#) chỉ yêu cầu chị [T1](#) trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 11/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với thời hạn 11 tháng 05 ngày là tự nguyên nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 50.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 11 tháng 05 ngày = 4.634.000 đồng.

[2.3] Từ những nhận định trên, cần buộc chị [T1](#) có nghĩa vụ trả lại cho chị [T](#) 50.000.000 đồng tiền hội gốc còn nợ và 4.634.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 54.634.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường.

[3] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị [T1](#) phải chịu 2.732.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị [T](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị [T](#) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Ngô Thị Ngọc T](#) đối với chị [Nguyễn Thị Mai T1](#) về việc tranh chấp Hợp đồng góp hội.

Buộc chị [Nguyễn Thị Mai T1](#) có nghĩa vụ trả lại cho chị [Ngô Thị Ngọc T](#) số tiền hội gốc còn nợ là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và 4.634.000 (bốn

triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 54.634.000 (năm mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị [Ngô Thị Ngọc T](#) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị [Nguyễn Thị Mai T1](#) không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng chị [Nguyễn Thị Mai T1](#) còn phải trả cho chị [Ngô Thị Ngọc T](#) số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị [Nguyễn Thị Mai T1](#) phải chịu 2.732.000 (hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị [Ngô Thị Ngọc T](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị [Ngô Thị Ngọc T](#) 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006856 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do [Văn Phước L](#) nộp thay).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Chung